TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HS-ST
Ngày 26 tháng 12 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Sỹ H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang T và ông Lê Xuân T

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Trương Thị Khánh L - Thư ký của Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh C - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2025/TLST- HS ngày 05/11/2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST - HS ngày 12/12/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị H** (tên gọi khác: không**)**, sinh năm 12/10/1986, tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá); Căn cước công dân số 038186010831, cấp ngày 12/7/2021; Nơi cư trú: thôn Vụ Bản, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân K và bà Đỗ Thị D; Có chồng là Lê Văn Ngh và 02 con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị D, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn Thống Nhất 3, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số 038186014890, cấp ngày 03/10/2024 (Có mặt).

Người làm chứng: Anh Đỗ Khắc T – sinh năm 1986; Trú tại: Thôn Thống Nhất 3, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/05/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC02) Công an tỉnh Thanh Hoá tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của anh Đỗ Khắc T, sinh năm 1986, trú tại thôn Thống Nhất 3, xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân (nay là xã Thường Xuân), tỉnh Thanh Hóa tố giác về việc Lê Thị D (vợ cũ của T) sinh năm 1986, trú tại thôn Thống Nhất 3, xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân (nay là xã Thường Xuân), tỉnh Thanh Hóa vay

tiền của một số đối tượng trên địa bàn xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân (nay là xã Thường Xuân), tỉnh Thanh Hóa với lãi suất cao, vượt quá quy định của pháp luật và có dấu hiệu của tội phạm Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Quá trình điều tra, trên cơ sở tài liệu chứng cứ thu thập được, Cơ quan điều tra xác định: Lê Thị H, sinh năm 1986 trú tại thôn Vụ Bản, xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân (nay là xã Thường Xuân), tỉnh Thanh Hoá đã thực hiện hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với Lê Thị D, cụ thể:

Khoảng đầu năm 2024, do có tiền tích luỹ cá nhân nên Lê Thị H đồng ý cho Lê Thị D vay tiền với lãi suất cao để hưởng lợi nhuận. H cho D vay dưới hình thức tín chấp (không cần tài sản cầm cố hay thế chấp) với mức lãi suất từ 3000 đồng/triệu/ngày đến 4000 đồng/triệu/ngày, tương đương với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 146%/năm. Khi hai bên đã thống nhất các điều kiện của gói vay thì H sẽ giao tiền cho D bằng hình thức đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản. Đến kỳ trả lãi thì H sẽ trực tiếp thu tiền lãi bằng hình thức nhận trực tiếp tiền mặt hoặc qua chuyển khoản đến số tài khoản 3515215014882 mở tại ngân hàng Agribank của H. Giữa hai người không có thoả thuận về thời hạn trả nợ, khi nào D trả hết tiền gốc và tiền lãi thì được xem là tất toán gói vay. Có trường hợp do D gặp khó khăn về tài chính dẫn đến không trả nợ đúng hẹn theo chu kỳ thu lãi thì H cho phép D chậm trả dao động khoảng vài ngày. Các khoản vay giữa Lê Thị H và Lê Thị D như sau:

* Khoản vay thứ nhất: Ngày 21/02/2024, D vay H số tiền 270.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày(tương ứng với lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần so với lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). H đưa tiền mặt cho D 270.000.000 đồng, không yêu cầu viết giấy và đặt cọc bằng tài sản gì. D trả lãi đều cho H đến ngày 10/06/2024 thì dừng việc trả lãi. Trong quá trình vay, D trả lãi bằng hình thức chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt trực tiếp cho Hương. Tổng số tiền lãi Dung đã trả cho H là 89.910.000 đồng. Ngày 20/06/2024 do hoàn cảnh khó khăn, D tuyên bố vỡ nợ nên xin H không trả lãi nữa mà chỉ xin trả 270.000.000 đồng tiền gốc và 8.091.000 đồng tiền lãi suất của 10 ngày (từ ngày 11/6/2024 đến ngày 20/6/2024) còn thiếu, H đồng ý. Tuy nhiên đến nay, D vẫn chưa trả 270.000.000 đồng tiền gốc và 8.091.000 đồng tiền lãi suất cho H.

Tổng số tiền lãi D phải đóng cho H trong gói vay trên là 98.010.000 đồng (Trong đó D đã đóng 89.910.000 đồng, còn nợ lại 8.091.000 đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 17.901.370 đồng, số tiền H thu lợi bất chính là 80.108.630 đồng.

* Khoản vay thứ 2: Ngày 23/03/2024, D vay H số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương ứng với lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần so với lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). H đưa tiền mặt cho D 50.000.000 đồng, không yêu viết giấy và đặt cọc bằng tài sản gì. D trả lãi đều cho H đến ngày 10/06/2024 thì dừng việc trả lãi. Trong quá trình vay, D trả lãi bằng hình thức chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt trực tiếp cho H. Tổng số tiền lãi D đã trả cho H là 12.000.000 đồng. Ngày 20/06/2024 do hoàn cảnh khó khăn, D tuyên bố vỡ nợ nên xin H không trả lãi nữa mà chỉ xin trả 50.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi suất của 10 ngày (từ ngày 11/6/2024 đến ngày 20/6/2024) còn thiếu, H đồng ý. Tuy nhiên đến nay, D vẫn chưa trả 50.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi suất cho H.

Tổng số tiền lãi D phải đóng cho H trong gói vay trên là 13.500.000 đồng (Trong đó D đã đóng 12.000.000 đồng, còn nợ lại 1.500.000 đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 2.465.753 đồng, số tiền H thu lợi bất chính là 11.034.247 đồng.

* Khoản vay thứ 3: Ngày 28/03/2024, D vay H số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương ứng với mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). H đưa tiền mặt cho D 100.000.000 đồng, không yêu cầu viết giấy và đặt cọc bằng tài sản gì. D trả lãi đều cho H đến ngày 10/06/2024 thì dừng việc trả lãi. Trong quá trình vay, D trả lãi bằng hình thức chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt trực tiếp cho H. Tổng số tiền lãi D đã trả cho H là 30.000.000 đồng. Ngày 20/06/2024 do hoàn cảnh khó khăn, D tuyên bố vỡ nợ nên xin H không trả lãi nữa mà chỉ xin trả 100.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi suất của 10 ngày (từ ngày 11/6/2024 đến ngày 20/6/2024) còn thiếu, H đồng ý. Tuy nhiên đến nay, D vẫn chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho H.

Tổng số tiền lãi D phải đóng cho H trong gói vay trên là 34.000.000 đồng (Trong đó D đã đóng 30.000.000 đồng, còn nợ lại 4.000.000 đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 4.657.534 đồng, số tiền H thu lợi bất chính là 29.342.466 đồng.

* Khoản vay thứ 4: Ngày 06/04/2024, D vay H số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày(tương ứng với lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần so với lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). H đưa tiền mặt cho D 100.000.000 đồng, không yêu cầu viết giấy và đặt cọc bằng tài sản gì. D trả lãi đều cho H đến ngày 10/06/2024 thì dừng việc trả lãi. Trong quá trình vay, D trả lãi bằng hình thức chuyển khoản và đưa tiền mặt trực tiếp cho H. Tổng số tiền lãi D đã trả cho H là 19.800.000 đồng. Ngày 20/06/2024 do hoàn cảnh khó khăn, D tuyên bố vỡ nợ nên xin H không trả lãi nữa mà chỉ xin trả 100.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi suất của 10 ngày (từ ngày 11/6/2024 đến ngày 20/6/2024) còn thiếu, H đồng ý. Tuy nhiên đến nay, D vẫn chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho H.

Tổng số tiền lãi D phải đóng cho H trong gói vay trên là 22.800.000 đồng (Trong đó D đã đóng 19.800.000 đồng, còn nợ lại 3.000.000 đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 4.164.384 đồng, số tiền H thu lợi bất chính là 18.635.616 đồng.

* Khoản vay thứ 5: Cùng ngày 06/04/2024, D tiếp tục vay H số tiền 130.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày(tương ứng với mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). H đưa tiền mặt cho D 50.000.000 đồng và chuyển đến số tài khoản 3515215015074 mở tại ngân hàng Agribank của D số tiền 80.000.000 đồng, không yêu cầu viết giấy và đặt cọc bằng tài sản gì. D trả lãi đều cho H. Đến ngày 10/06/2024, D đưa tiền mặt để trả hết gốc 130.000.000 đồng. Khoản vay này, D đã tất toán cho H.

Tổng số tiền lãi D đã trả cho H trong gói vay trên là 34.320.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là 4.701.370 đồng, số tiền H thu lợi bất chính là 29.618.630 đồng. (*Tuy nhiên khoản vay này kết thúc vào ngày 10/6/2024, số tiền H thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng. Do vậy, đến ngày 16/6/2025 (ngày khởi tố vụ án) khoản vay này đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính*).

Như vậy, Lê Thị H cho Lê Thị D vay với tổng số tiền gốc là: 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng); số tiền lãi D phải trả cho H là 168.310.000đ (Một trăm sáu tám triệu ba trăm mười nghìn đồng). Trong đó số tiền lãi được thu tối đa theo

quy định là 29.189.041đ (Hai chín triệu một trăm tám chín nghìn không trăm bốn mốt đồng), tổng số tiền thu lợi bất chính là 139.120.959 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu một trăm hai mươi nghìn chín trăm năm mươi chín đồng). Thực tế số tiền lãi D đã trả cho H là 151.710.000đ (Một trăm năm mốt triệu bảy trăm mười nghìn đồng). Trong đó số tiền lãi được thu tối đa theo quy định thực tế mà H đã thu là 26.339.726đ (Hai sáu triệu ba trăm ba chín nghìn bảy trăm hai sáu đồng), số tiền thu lợi bất chính thực tế mà H đã thu là 125.370.244đ (Một trăm hai lăm triệu ba trăm bảy mươi nghìn hai trăm bốn bốn đồng).

Đối với các khoản vay tiền của chị Lê Thị D với bị cáo Lê Thị H và các khoản vay của những người khác, anh Đỗ Khắc T là chồng của chị Lê Thị D không không tham gia và không biết chị D vay tiền của những người trên để làm công việc gì, chỉ khi vào thời điểm tháng 06/2024 có nhiều người đến nhà để đòi nợ thì anh T mới hỏi chị D thì chị D mới thú nhận vay tiền của những người trên để xử lý công việc cá nhân.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định Lê Thị D còn vay tiền của một số đối tượng khác gồm: Lê Thị Gi sinh năm 1971, Lê Thị V sinh năm 1983 đều trú tại thôn Thống Nhất 3, xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân (nay là xã Thường Xuân), tỉnh Thanh Hoá; Lê Công B sinh năm 1965, Lê Thị Th sinh năm 1977, Lê Văn Th, sinh năm 1977, Lê Thị Th, sinh năm 1980 đều trú tại thôn Thống Nhất 1, xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân (nay là xã Thường Xuân), tỉnh Thanh Hoá; Nguyễn Thị M sinh năm 1977, trú tại thôn Xuân Thịnh, xã Xuân Dương, huyện Thường (nay là xã Thường Xuân), tỉnh Thanh Hoá.

Đối với Lê Thị Gi và Lê Công B

Lê Thị Gi và Lê Công B cho Lê Thị D vay tiền với mức lãi suất từ 48%/năm đến 73%/năm (dưới năm lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định) do đó, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên các khoản vay của Giao và Bình đối với Dung đều kết thúc vào ngày 20/6/2024, tính đến ngày 16/6/2025 (ngày khởi tố vụ án) là chưa đủ 01 năm kể từ ngày hành vi vi phạm kết thúc nên Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan đến hành vi vi phạm của Lê Thị Gi và Lê Công B đến Uỷ ban nhân dân huyện Thường Xuân (cũ) để tiến hành xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. Ngày 19/6/2025, Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân (cũ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 2124; 2126/QĐ-XPHC đối với Lê Thị Gi và Lê Công B về hành vi: "Không đăng ký ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt qua tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự" quy định tại Điểm đ, Khoản 4, Điều 12, Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội.

Đối với các đối tượng Lê Thị Th và Lê Thị V

Lê Thị Th và Lê Thị V cho Lê Thị D vay tiền với mức lãi suất từ 48%/năm đến 91,25%/năm (dưới năm lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định) do đó, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó các gói vay của Lê Thị Th và Lê Thị V đối với Lê Thị D đều kết thúc vào các ngày 08/3/2024 và 01/4/2024, tính đến ngày 16/6/2025 (ngày khởi tố vụ án) là đã quá 01 năm kể từ ngày hành vi vi phạm kết thúc, vậy nên đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với Lê Văn Th, Nguyễn Thị M

Quá trình điều tra các đối tượng đều thừa nhận đã cho Lê Thị D vay tiền nhưng còn mâu thuẫn trong lời khai về mức lãi suất cho vay. Nguyễn Thị M khai báo cho D vay không lãi suất, Lê Văn Th cho D vay với lãi suất 32,69%/năm, trong khi đó, D khai vay của Nguyễn Thị M và Lê Văn Th với lãi suất 2000đ/1.000.000đ/ngày. Ngoài lời khai thì Lê Thị D không cung cấp thêm bất kì tài liệu gì khác bổ trợ nhằm chứng minh hành vi vi phạm của các đối tượng. Quá trình điều tra cũng không thu thập được các tài liệu, chứng cứ khác khác chứng minh về lãi suất cho vay giữa các đối tượng đối với Du. Cơ quan điều tra đã tiến hành biện pháp đối chất. Tuy nhiên các đối tượng vẫn giữ nguyên khai báo của mình, do vậy, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý đối với Lê Văn Th và Nguyễn Thị M.

Đối với Lê Thị Th1

Quá trình điều tra Lê Thị Th1 đều thừa nhận đã cho Lê Thị D vay tiền nhưng còn mâu thuẫn trong lời khai về mức lãi suất cho vay, D khai vay của Lê Thị Th1 với lãi suất 3000đ/1.000.000đ/ngày, Th1 khai cho D vay tiền không tính lãi. Ngoài lời khai thì Lê Thị D không cung cấp thêm bất kì tài liệu gì khác bổ trợ nhằm chứng minh hành vi vi phạm của Lê Thị Th1. Quá trình điều tra cũng không thu thập được các tài liệu, chứng cứ khác khác chứng minh về lãi suất cho vay giữa Lê Thị Th1 đối với D. Cơ quan điều tra đã tiến hành biện pháp đối chất giữa Lê Thị Th1 và Lê Thị D Tuy nhiên các đối tượng vẫn giữ nguyên khai báo của mình, do vậy, Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ hành vi cho vay tiền giữa Lê Thị Th1 và Lê Thị D, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

Đối với trường hợp Lê Thị Th2

Căn cứ vào tài liệu thu thập được, Cơ quan điều tra xác định, Lê Thị Th2 cho Lê Thị D vay tiền với lãi suất 18,46%/năm. Do đó, Th2 không vi phạm pháp luật.

* Về việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 (một) giấy vay tiền đề ngày 10/1/2024 của Lê Thị D với Lê Thi Gi;
- 01 (một) giấy vay tiền đề ngày 10/5/2024 của Lê Thị D với Lê Thi Gi;
- 01 (một) giấy vay tiền đề ngày 22/12/2020 (Âm lịch) của Lê Thị D với Lê Công B;
- 01 (một) giấy vay tiền đề ngày 17/6/2020 (Âm lịch) của Lê Thị D với Lê Công B;
- 01 (một) giấy vay tiền đề ngày 26/1/2024 (Âm lịch) của Lê Thị D với Lê Công B;
- 01 (một) giấy vay tiền đề ngày 25/2/2024 (Âm lịch) của Lê Thị D với Lê Công B;
- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo, màu đen, số Imei 1: 865222044208456; số Imei 2: 865222044208449, điện thoại đã qua sử dụng, gắn sim 0984.368.756 do Lê Thị Th giao nộp;
- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy A51, màu xanh, số Imei 1: 354595382220128; số Imei 2: 355078742220129, điện thoại đã qua sử dụng, không lắp sim, do Lê Thị H giao nộp;

- 01 (một) USB lưu trữ file hình ảnh sổ ghi chép các khoản vay của Lê Thị D với Lê Thị H do Lê Thị D tự nguyện giao nộp, được niêm phong theo quy định;

- 01 (một) tệp ảnh (bản photo) sổ ghi chép các khoản vay của Lê Thị D với Lê Thị D do Đỗ Khắc T, SN: 1986 trú tại thôn Thống Nhất 3, xã Thường Xuân, Thanh Hoá giao nộp;

Xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo, màu đen, điện thoại đã qua sử dụng, gắn sim 0984.368.756 do Lê Thị Th giao nộp; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy A51, màu xanh, điện thoại đã qua sử dụng, không lắp sim, do Lê Thị H giao nộp quá trình điều tra xác định không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Thu và Hương;

- Đối với các vật chứng là giấy vay tiền; USB và tệp ảnh, Cơ quan điều tra chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra và tại phiên toà, Lê Thị D có đơn không yêu cầu Lê Thị H trả lại số tiền thu lợi bất chính và không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 10/CT – VKSKV10 ngày 04/11/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Lê Thị H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 2, Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo: Từ 220.000.000đ đến 250.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước. Áp dụng các Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, đề nghị tuyên truy thu số tiền 26.339.726đ (Hai sáu triệu ba trăm ba chín nghìn bảy trăm hai sáu đồng) là số tiền do bị cáo phạm tội mà có; truy thu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị D số tiền 520.000.000đ (Năm trăm hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước, đây là số tiền bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội. Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong phần tranh luận đồng ý quan với quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện VKS tại phiên tòa.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng

trong giai đoạn điều tra, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa người người làm chứng Đỗ Khắc T vắng mặt, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo Lê Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo khẳng định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không bị oan. Bị cáo nhất trí nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người liên quan và chứng cứ khác, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2024 đến tháng 6/2024, lợi dụng nhu cầu vay tiền của Lê Thị D nên Lê Thị H, trú tại thôn Vụ Bản, xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân (nay là xã Thường Xuân), tỉnh Thanh Hóa đã cho Lê Thị D vay tiền với tổng cộng 04 gói vay, mức lãi suất từ 3.000 đồng/triệu/ngày đến 4.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 109.5%/năm đến 146%/năm) vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền Lê Thị H sử dụng vào mục đích cho vay là 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng), tổng số tiền lãi D phải trả cho Hương là 168.310.000 đồng (Một trăm sáu tám triệu ba trăm mười nghìn đồng); số tiền lãi được thu tối đa theo quy định là 29.189.041 đồng (Hai chín triệu, một trăm tám chín nghìn, không trăm bốn mốt đồng); số tiền thu lợi bất chính là 139.120.959 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu, một trăm hai mươi nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị H đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt: phạt tiền từ 200.000.000đ đến 1.000.000.000đ hoặc phạt tù 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ngoài ra còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm pháp luật hình sự, bản thân nhận thức được hành vi cho vay nặng lãi bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng do muốn thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

Về các tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về các tình tiết giảm nhẹ TNHS: Hành vi phạm tội của bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi của bản thân; có thành tích xuất sắc trong công tác, nhiều năm liền được tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; co bác ruột là

liệt sĩ, bố chồng là người có công với cách mạng; tích tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo tại địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy: Bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ mà không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; về tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy cần áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự phạt bị cáo một khoản tiền sung vào Ngân sách Nhà nước vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Đây là cơ hội để bị cáo phấn đấu sửa chữa lỗi lầm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự thì "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000đ đến 100.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm". Xét thấy, bị cáo trong quá trình công tác luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có tinh thần trách nhiệm, là giáo viên dạy giỏi của nhà Trường, nếu cấm bị cáo tham gia công tác giảng dạy thì sẽ ảnh hưởng đến công tác chuyên môn của nhà Trường nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị D không yêu cầu Lê Thị H trả lại số tiền thu lợi bất chính và không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định do phạm tội mà có bị cáo đã thu của người vay là: 26.339.726đ (Hai sáu triệu ba trăm ba chín nghìn bảy trăm hai sáu đồng), bị cáo chưa giao nộp, nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự truy thu số tiền trên để sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 520.000.000đ (Năm trăm hai mươi triệu đồng) bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, người vay là chị Lê Thị D chưa thanh toán cho bị cáo. Cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự truy thu toàn bộ số tiền này để sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Hương phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, các điểm i,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Lê Thị H số tiền 220.000.000đ(Hai trăm hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước đối với bị cáo Lê Thị H số tiền: 26.339.726đ (Hai sáu triệu ba trăm ba chín nghìn bảy trăm hai sáu đồng).

- Truy thu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị D số tiền 520.000.000đ(Năm trăm hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Điều 135, Điều 136, Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, buộc bị cáo Lê Thị H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND khu vực 10 – Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Hành chính tư pháp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Sỹ H